TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-11-2019
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Phú

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Duẫn - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/9/2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy T; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/7/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Duy T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H có quá trình tìm

hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hai bên tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02/7/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh tại phường Quảng Phong. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên hai bên thường xuyên cãi vã và xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau. Hiện tại anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu nên tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được nên kiên quyết xin ly hôn chị H để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T khai nhận, quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải cho chị Nguyễn Thị Thu H nhưng chị H đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú và gia đình của chị, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã thực hiện xử lý công văn đến, công văn đi theo quy định, đã cử cán bộ văn thư liên lạc giao đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án cho phía bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H, gia đình chị H cũng đã nhận được đầy đủ các giấy tờ, văn bản do Tòa án tống đạt và báo cho chị H biết việc Tòa án triệu tập chị đến Tòa để giải quyết việc anh T xin ly hôn chị nhưng chị H đã cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Qua thông tin từ gia đình thì do công tác xa, điều kiện đi lại khó khăn, công việc không người thay thế, nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án được và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng bảo đảm đúng quy định và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 16/10/2019, Toà án đã mở phiên toà nhưng chị H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn mặc dù đã được

Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H.

Về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Duy T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H; về quan hệ con chung, tài sản và nợ chung: Không xem xét; về án phí: buộc anh Nguyễn Duy T phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Duy T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Thu H, vì vậy xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02/7/2018, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lẽ ra vợ chồng cần phải biết thương yêu, tôn trọng, chia sẽ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng giữa anh T và chị H đã không thực hiện được. Cuộc sống chung vợ chồng không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau, hai bên không tìm được hướng đi chung, vì vậy đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn. Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía trong khi anh T xác định thật sự không còn tình cảm gì với chị H, không thể

quay lại để tiếp tục sống chung cùng chị H được nữa mà kiên quyết xin được ly hôn. Còn đối với chị H, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập nhiều lần, cũng như đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định và chị H đã biết rõ việc anh T làm đơn xin ly hôn chị và vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nhưng đã cố tình vắng mặt, cố tình không chấp hành theo triệu tập của Tòa án nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này cũng thể hiện việc chị H không hề quan tâm, lo lắng gì đến chồng, gia đình, không thực hiện mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình và pháp luật.

Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của anh Nguyễn Duy T cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Duy T. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét xử cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T thừa nhận, vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh T thừa nhận, vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Duy T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về quan hệ con chung: không xem xét

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung công quỹ nhà nước. Số tiền án phí anh T phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0001387, ngày 26/7/2019. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND phường Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực